# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

**MỤC LỤC**


| | *Trang* |
|---|---|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 9 - 19 |

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Đức Tài | Chủ tịch | |
| Ông Điêu Chính Hải Triều | Thành viên | |
| Ông Thomas Lanyi | Thành viên | |
| Ông Trần Kinh Doanh | Thành viên | |
| Ông Robert Willet | Thành viên | |
| Ông Đặng Minh Lượm | Thành viên | |
| Ông Đoàn Văn Hiếu Em | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Đào Thế Vinh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Trần Lê Quân | Thành viên | từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---|---|
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Trưởng ban |
| Ông Hoàng Hữu Hưng | Thành viên |
| Bà Đỗ Thị Loan | Thành viên |

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Trần Kinh Doanh | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đức Tài | Tổng Giám đốc | từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Phạm Văn Trọng | Giám đốc Kỹ thuật | |
| Ông Vũ Đăng Linh | Giám đốc Tài chính | |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 4 năm 2019 là Ông Nguyễn Đức Tài và từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám Đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 5 năm 2019

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61110221/21073758/QR

# BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 5 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 19 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

## *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Building a better working world

***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 20 tháng 5 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

M.S.D.N: 0300611802 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 5 năm 2019



A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

*VND*

| *Mã số* | *TÀI SẢN* | *Thuyết minh* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **382.291.788.214** | **224.880.562.137** |
| ***110*** | ***I. Tiền*** | ***4*** | ***3.408.950.411*** | ***127.636.796.208*** |
| 111 | 1. Tiền | | 3.408.950.411 | 127.636.796.208 |
| ***130*** | ***II. Các khoản phải thu ngắn hạn*** | | ***375.620.991.493*** | ***89.193.429.541*** |
| 135 | 1. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 5 | 357.400.000.000 | 66.600.000.000 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 18.220.991.493 | 22.593.429.541 |
| ***150*** | ***III. Tài sản ngắn hạn khác*** | | ***3.261.846.310*** | ***8.050.336.388*** |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 3.090.154.107 | 7.637.928.079 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 171.692.203 | 412.408.309 |
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **8.179.760.821.707** | **7.179.760.821.707** |
| ***210*** | ***I. Khoản phải thu dài hạn*** | | ***1.061.720.000.000*** | ***1.061.720.000.000*** |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 5 | 1.061.720.000.000 | 1.061.720.000.000 |
| ***250*** | ***II. Đầu tư tài chính dài hạn*** | ***7*** | ***7.118.040.821.707*** | ***6.118.040.821.707*** |
| 251 | 1. Đầu tư vào các công ty con | | 7.056.002.071.707 | 6.056.002.071.707 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | | 62.038.750.000 | 62.038.750.000 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **8.562.052.609.921** | **7.404.641.383.844** |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

*VND*

| *Mã số* | NGUỒN VỐN | *Thuyết minh* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **1.147.290.498.060** | **1.133.344.181.084** |
| ***310*** | ***I. Nợ ngắn hạn*** | | ***28.558.831.400*** | ***15.747.514.423*** |
| 315 | 1. Chi phí phải trả ngắn hạn | 8 | 28.056.589.745 | 10.270.330.768 |
| 319 | 2. Phải trả ngắn hạn khác | | 502.241.655 | 527.183.655 |
| 322 | 3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | - | 4.950.000.000 |
| ***330*** | ***II. Nợ ngắn hạn*** | | ***1.118.731.666.660*** | ***1.117.596.666.661*** |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 9 | 1.118.731.666.660 | 1.117.596.666.661 |
| **400** | **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **7.414.762.111.861** | **6.271.297.202.760** |
| ***410*** | ***I. Vốn chủ sở hữu*** | ***10.1*** | ***7.414.762.111.861*** | ***6.271.297.202.760*** |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 4.434.961.780.000 | 4.434.961.780.000 |
| *411a* | - *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *4.434.961.780.000* | *4.434.961.780.000* |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 515.362.889.700 | 515.362.889.700 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (2.668.484.500) | (808.864.500) |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.467.105.926.661 | 1.321.781.397.560 |
| *421a* | - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | | *1.316.781.397.560* | - |
| *421b* | - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này* | | *1.150.324.529.101* | *1.321.781.397.560* |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **8.562.052.609.921** | **7.404.641.383.844** |

M.S.D.N: 0306731335 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG - T.P THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG

| | | |
|---|---|---|
| Lý Trần Kim Ngân | Vũ Đăng Linh | Trần Kinh Doanh |
| Người lập | Giám đốc Tài chính | Tổng Giám đốc |

Ngày 20 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| **21** | **1. Doanh thu hoạt động tài chính** | **11** | **1.175.489.056.069** | **29.139.064.231** |
| **22** | **2. Chi phí tài chính** | **12** | **(24.013.801.366)** | **(24.013.801.374)** |
| *23* | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *(24.013.801.366)* | *(24.013.801.374)* |
| **26** | **3. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | | **(908.964.390)** | **(1.702.794.850)** |
| **30** | **4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **1.150.566.290.313** | **3.422.468.007** |
| **31** | **5. Thu nhập khác** | | **150.000** | **-** |
| **32** | **6. Chi phí khác** | | **(1.195.106)** | **-** |
| **40** | **7. Lỗ khác** | | **(1.045.106)** | **-** |
| **50** | **8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **1.150.565.245.207** | **3.422.468.007** |
| **51** | **9. Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **13.1** | **(240.716.106)** | **(684.493.602)** |
| **60** | **10. Lợi nhuận sau thuế TNDN** | | **1.150.324.529.101** | **2.737.974.405** |

M.S.D.N: 0306731335 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG ★ T.P THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG

| | | |
|---|---|---|
| Lý Trần Kim Ngân | Vũ Đăng Linh | Trần Kinh Doanh |
| Người lập | Giám đốc Tài chính | Tổng Giám đốc |

Ngày 20 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **01** | **Lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **1.150.565.245.207** | **3.422.468.007** |
| | *Điều chỉnh cho khoản:* | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 11 | (1.175.489.056.069) | (29.139.064.231) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 12 | 24.013.801.366 | 24.013.801.374 |
| **08** | **Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **(910.009.496)** | **(1.702.794.850)** |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 18.446.340.988 | 712.733.875 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (760.426.524) | (2.868.036.275) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | - | (41.059.942) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (10.000.000.000) | - |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh** | | **6.775.904.968** | **(3.899.157.192)** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (291.300.000.000) | (808.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 500.000.000 | 850.500.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết | | (1.000.000.000.000) | (890.297.602.800) |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay và cổ tức nhận được | | 1.161.655.869.235 | 844.453.198 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(129.144.130.765)** | **(846.953.149.602)** |
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | - | 576.545.137.200 |
| 32 | Mua lại cổ phiếu | | (1.859.620.000) | (264.400.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính** | | **(1.859.620.000)** | **576.280.737.200** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ** | | **(124.227.845.797)** | **(274.571.569.594)** |
| **60** | **Tiền đầu kỳ** | | **127.636.796.208** | **282.877.235.523** |
| **70** | **Tiền cuối kỳ** | **4** | **3.408.950.411** | **8.305.665.929** |

| | | |
|---|---|---|
| Lý Trần Kim Ngân | Vũ Đăng Linh | Trần Kinh Doanh |
| Người lập | Giám đốc Tài chính | Tổng Giám đốc |

Ngày 20 tháng 5 năm 2019

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 đề ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.3 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

### 3.4 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### *3.6 Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### *3.7 Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

### *3.8 Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.9 Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### *3.10 Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 4. TIỀN

*VND*

| | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|
| Tiền gửi ngân hàng | 3.408.950.411 | 127.636.796.208 |

## 5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 4,5%/năm đến 8,5%/năm *(Thuyết minh số 14)*.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

*VND*

| | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|
| Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 14)* | 13.840.796.834 | 15.766.964.724 |
| Ký quỹ, ký cược | 4.003.604.375 | 4.003.604.375 |
| Khác | 376.590.284 | 2.822.860.442 |
| **TỔNG CỘNG** | **18.220.991.493** | **22.593.429.541** |

## 7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

*VND*

| | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|
| Đầu tư vào các công ty con *(Thuyết minh số 7.1)* | 7.056.002.071.707 | 6.056.002.071.707 |
| Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 7.2)* | 62.038.750.000 | 62.038.750.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **7.118.040.821.707** | **6.118.040.821.707** |

## 7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 7.1 *Đầu tư vào các công ty con*

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| *Tên công ty* | *Lĩnh vực kinh doanh* | *Tình trạng* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | | | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *% sở hữu* | *Giá gốc đầu tư (VND)* | *Dự phòng (VND)* | *% sở hữu* | *Giá gốc đầu tư (VND)* | *Dự phòng (VND)* |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Thương mại sản phẩm điện tử | Đang hoạt động | 99,95 | 2.027.352.771.000 | - | 99,95 | 2.027.352.771.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Thương mại thực phẩm | Đang hoạt động | 99,95 | 3.629.712.000.000 | - | 99,95 | 2.629.712.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh | Thương mại sản phẩm điện tử | Đang hoạt động | 99,33 | 860.937.300.707 | - | 99,33 | 860.937.300.707 | - |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công nghệ thông tin | Đang hoạt động | 100,00 | 538.000.000.000 | - | 100,00 | 538.000.000.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | | | **7.056.002.071.707** | **-** | | **6.056.002.071.707** | **-** |

### 7.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| *Tên công ty* | *Lĩnh vực kinh doanh* | *Tình trạng* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | | | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *% sở hữu* | *Giá gốc đầu tư (VND)* | *Dự phòng (VND)* | *% sở hữu* | *Giá gốc đầu tư (VND)* | *Dự phòng (VND)* |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang | Bán lẻ dược phẩm | Đang hoạt động | 49,00 | 62.038.750.000 | - | 49,00 | 62.038.750.000 | - |

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong kỳ là bán lẻ dược phẩm.

## 8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

*VND*

| | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 27.292.863.005 | 8.961.835.610 |
| Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp | 763.726.740 | 1.308.495.158 |
| **TỔNG CỘNG** | **28.056.589.745** | **10.270.330.768** |

## 9. VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn bao gồm các khoản trái phiếu thường trong nước và chi tiết được trình bày như sau:

| *Trái chủ* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* *VND* | *Lãi suất (%/năm)* | *Ngày đáo hạn* | *Mục đích* | *Tài sản đảm bảo* |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam | 470.000.000.000 | 6,55 | Ngày 17 tháng 11 năm 2022 | Bổ sung nhu cầu vốn kinh doanh | Tín chấp |
| Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) | 450.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) | 100.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam | 45.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam | 40.000.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam | 30.000.000.000 | | | | |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (16.268.333.340) | | | | |
| | **1.118.731.666.660** | | | | |

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.

## 10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### *10.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

*VND*

| | *Vốn cổ phần* | *Thặng dư vốn cổ phần* | *Cổ phiếu quỹ* | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|
| **Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018** | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 3.169.884.370.000 | 628.592.500 | (79.164.500) | 72.033.896.887 | 3.242.467.694.887 |
| Cổ phiếu phát hành | 61.810.840.000 | 514.734.297.200 | - | - | 576.545.137.200 |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (264.400.000) | - | (264.400.000) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 2.737.974.405 | 2.737.974.405 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2018 | 3.231.695.210.000 | 515.362.889.700 | (343.564.500) | 74.771.871.292 | 3.821.486.406.492 |
| **Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019** | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 4.434.961.780.000 | 515.362.889.700 | (808.864.500) | 1.321.781.397.560 | 6.271.297.202.760 |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (1.859.620.000) | - | (1.859.620.000) |
| Trích lập quỹ | - | - | - | (5.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 1.150.324.529.101 | 1.150.324.529.101 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2019 | **4.434.961.780.000** | **515.362.889.700** | **(2.668.484.500)** | **2.467.105.926.661** | **7.414.762.111.861** |

## 10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 10.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

| | *Số cổ phiếu* |
|---|---|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 3 năm 2019 | 443.496.178 |

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

### 10.3 *Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông*

| | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|
| | *Số cổ phiếu* | *Số cổ phiếu* |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 443.496.178 | 443.496.178 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ<br>*Cổ phiếu phổ thông* | *443.496.178* | *443.496.178* |
| Số lượng cổ phiếu quỹ<br>*Cổ phiếu phổ thông* | *(557.192)* | *(369.285)* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành<br>*Cổ phiếu phổ thông* | *442.938.986* | *443.126.893* |

## 11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

*VND*

| | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|
| Thu nhập từ cổ tức | 1.149.362.859.794 | - |
| Lãi tiền cho vay | 26.111.300.834 | 29.103.473.533 |
| Khác | 14.895.441 | 35.590.698 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.175.489.056.069** | **29.139.064.231** |

## 12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

*VND*

| | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 24.013.801.366 | 24.013.801.374 |

## 13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### *13.1 Chi phí thuế TNDN*

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

*VND*

| | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **1.150.565.245.207** | **3.422.468.007** |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 230.113.049.041 | 684.493.602 |
| *Các khoản điều chỉnh :* | | |
| Thu nhập từ cổ tức | (229.872.571.959) | - |
| Chi phí không được khấu trừ | 239.024 | - |
| **Chi phí thuế TNDN** | **240.716.106** | **684.493.602** |

### *13.2 Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

## 14. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Giao dịch* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cổ tức | 1.149.362.859.794 | - |
| | | Cho vay | 291.300.000.000 | 621.000.000.000 |
| | | Thu nhập lãi vay | 26.111.300.834 | 27.681.611.033 |
| Ông Robert Willet | Thành viên Hội đồng Quản trị | Chi phí tư vấn | 581.226.750 | 596.645.179 |

## 14. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Giao dịch* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Góp vốn | - | 30.000.000.000 |
| | | Lãi cho vay | - | 1.144.250.000 |
| | | Cho vay | - | 187.000.000.000 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Ngày 31 tháng 3 năm 2019* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2018* |
|---|---|---|---|---|
| ***Phải thu cho vay ngắn hạn*** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 357.400.000.000 | 66.600.000.000 |
| ***Phải thu cho vay dài hạn*** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 1.061.720.000.000 | 1.061.720.000.000 |
| ***Các khoản phải thu ngắn hạn khác*** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi dự thu | 8.309.442.834 | 12.996.550.724 |
| | | Chi hộ | 5.523.744.000 | 2.770.414.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Chi hộ | 7.610.000 | - |
| | | | **13.840.796.834** | **15.766.964.724** |

## 15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

| | | |
|---|---|---|
| Lý Trần Kim Ngân | Vũ Đăng Linh | Trần Kinh Doanh |
| Người lập | Giám đốc Tài chính | Tổng Giám đốc |

Ngày 20 tháng 5 năm 2019